

Phụ lục 01

DỰ TOÁN

Tổ chức Bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hiện công tác điều tra, rà soát, tổng hợp, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 766 /QĐ-UBND ngày 29 /8/2025 của UBND đặc khu Lý Sơn)

Đối tượng: Tổ giúp việc rà soát, công chức phụ trách công tác giảm nghèo, Trưởng thôn, cán bộ thôn, điều tra viên tham gia công tác điều tra, khảo sát, phân loại hộ nghèo, cận nghèo

Số lượng người học: 66 người/lớp

Thời gian đào tạo: 1 ngày/lớp, tại đặc khu Lý Sơn

Căn cứ xây dựng dự toán: Điều 78 TT 55/2023/TT-BTC -> Khoản 1, Điều 4, TT 55/2023/TT-BTC -> Điều 4, Điều 5 TT 36/2018/TT-BTC; TT 06/2023/TT-BTC; TT 40/2017/TT-BTC, TT 12/2025/TT-BTC

ĐVT: đồng						
T T	Nội dung thực hiện	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	Chi phí hợp đồng tổ chức bồi dưỡng lớp học (I) + (II)				64.603.000	Chi phí hợp đồng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ không đủ điều kiện tổ chức lớp bồi dưỡng được hợp đồng dịch vụ bồi dưỡng bên ngoài theo Khoản 5, Điều 2, Thông tư số 06/2023/TT-BTC
I	Chi phí trực tiếp lớp học				58.730.000	
1	Thù lao giảng viên (2.000.000đ/buổi/người x 2 buổi)	Buổi	2	2.000.000	4.000.000	Điểm a, Khoản 2, Điều 5, Thông tư số 36/2018/TT-BTC
2	Chi phí vé tàu cho người giảng viên (205.000đ/lượt)				410.000	Khoản 2, Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
3	Chi phí đi lại tại địa phương cho giảng viên	Ngày	2	150.000	300.000	Khoản 2, Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
4	Chi hỗ trợ nhà nghỉ cho giảng viên (ra trước 1 ngày)	Ngày	2	400.000	800.000	Khoản 3, Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC

5	Chi hỗ trợ tiền ăn cho giảng viên (ra trước 1 ngày)	Ngày	2	200.000	400.000	chi phí thực tế
6	Mua tài liệu học tập cho học viên	Bộ	66	375.000	24.750.000	Điểm i, Khoản 2, Điều 5, Thông tư số 36/2018/TT-BTC
7	Hội thảo góp ý, thông qua chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng	Hội thảo	1	4.000.000	4.000.000	Điểm a, Khoản 3, Điều 4 TT số 36/2018/TT-BTC
8	Nước uống học viên: 50.000/buổi x 2 buổi	Người	66	100.000	6.600.000	Khoản 7, Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
9	Nước uống giảng viên: 50.000/buổi x 2 buổi	Người	1	100.000	100.000	Khoản 7, Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC
10	Văn phòng phẩm thông thường (Bút, vở, giấy A4, bút màu, thước, keo dán, hồ dán...)	Người	66	30.000	1.980.000	Giá thực tế, Điểm a, khoản 3, Điều 4 Thông tư số 36/2018/TT-BTC (Chi khác)
11	Chi nhân viên trợ giảng	Người	2	500.000	1.000.000	Điểm a, Khoản 3, Điều 4 TT số 36/2018/TT-BTC
12	Chi vé tàu cho nhân viên trợ giảng	Người	2	410.000	820.000	Điểm a, Khoản 3, Điều 4 TT số 36/2018/TT-BTC
13	Chi phí ăn, ở cho nhân viên trợ giảng	Người	2	500.000	1.000.000	Điểm a, Khoản 3, Điều 4 TT số 36/2018/TT-BTC
14	Chi tổ chức khai mạc, bế mạc lớp bồi dưỡng	Lớp	1	3.000.000	3.000.000	Điểm a, Khoản 3, Điều 4 TT số 36/2018/TT-BTC
15	Chi thuê, chuẩn bị hội trường	Ngày	1	3.000.000	3.000.000	Điểm a, Khoản 3, Điều 4 TT số 36/2018/TT-BTC
16	Vệ sinh lớp: 300.000đ/ngày/người	Ngày	1	300.000	300.000	Điểm a, Khoản 3, Điều 4 TT số 36/2018/TT-BTC (Chi khác phục vụ lớp học)
17	Chi thiết kế hình ảnh, in ấn, tài liệu dùng cho thực hành	Người	66	95.000	6.270.000	Điểm a, Khoản 3, Điều 4 TT số 36/2018/TT-BTC

II	Chi hoạt động quản lý trực tiếp lớp bồi dưỡng của cơ sở đào tạo 10%				5.873.000	Điểm m, Khoản 7, Điều 1, Thông tư số 06/2023/TT-BTC (chi phí lập các hồ sơ, văn bản yêu cầu, điểm danh, theo dõi lớp, lập báo cáo tổng kết sau khóa học, tham gia khai mạc, bế mạc... và công tác nội vụ khác quản lý lớn học của cơ sở đào tạo)
B	Kinh phí hỗ trợ cho người học (đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước)	người	49	150.000	7.350.000	150.000đ/ngày (Khoản 7, Điều 1 Thông tư 12/2025/TT-BTC)
	Tổng kinh phí (A+B)				71.953.000	